TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Ngô Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích V - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2020/TLST - HN ngày 14/02/2020 Về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST - HN ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2020/QĐST - TA ngày 01/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thúy V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Đường số 2, khu dân cư khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Thúy V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Anh Nguyễn Thanh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy V trình bày:

Chị (Lê Thị Thúy V) và anh Nguyễn Thanh B tự tìm hiểu đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang vào ngày 11/02/2003, số 05/HT, quyển số 01.

Sau khi kết hôn, chị (V) về làm dâu nhà anh B tại phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn là do anh B chỉ lo ăn chơi, không lo cho vợ con. Chị V nhiều lần khuyên nhưng anh B không thay đổi nên chị V đưa các con về sống nhà cha mẹ ruột của bà V tại huyện Tịnh Biên, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nguyên đơn (V) khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung:

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Bình A, sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 26/6/2011. Các con hiện do chị V nuôi dạy. Chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Chị V khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Thanh B (qua người thân) nhưng anh B không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh: Ban khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc cung cấp: Anh Nguyễn Thanh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Đường số 2, khu dân cư khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, anh B hiện vẫn còn ở địa phương.

Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc có điện thoại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H (có chứng kiến của ông Nguyễn Huy B - Phó trưởng Ban khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nghe cuộc trao đổi điện thoại giữa cán bộ Tòa án và chị Nguyễn Thị Ngọc H - cháu anh B, được chị H cho biết: Chị có ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và biết việc chị đã để trên bàn làm việc của B, nên B có biết việc nguyên đơn (V) khởi kiện ông B.

Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tống đạt các văn bản tố tụng qua người thân là chị Nguyễn Thị Ngọc H (cháu của anh B) có ký nhận qua trung gian các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án ngày 14/02/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/02/2020 (gởi qua Bưu Điện có người thân ký nhận nhưng chỉ ký tên, không ghi họ tên); Nguyễn Thị Ngọc H (cháu anh B ký nhận):

Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/04/2020; Thông báo thụ lý vụ án ngày 14/02/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/04/2020; Thông báo công khai tài liệu chứng cứ ngày 29/4/2020; Thông báo thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 14/02/2020…và tiếp tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà; Ban khóm và tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc của bị đơn.

Tại phiên toà, hội đồng xét xử công bố:

Hội đồng xét xử công bố:

Lời khai của chị Lê Thị Thúy V;

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc do Ban khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc cung cấp đề ngày 12/5/2020 và ngày 16/6/2020.

Ý kiến của hai cháu Nguyễn Lê Bình An, sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 26/6/2011.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

**Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia quá trình tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thúy V và ông Nguyễn Thanh B có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của của bà V cũng như kết quả xác minh thể hiện giữa bà V và ông B có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng không còn sống chung. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc và chung sống với nhau tuy nhiên vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn và đã không còn sống chung nhau một thời gian, cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa hai ông bà không còn, mục đích hôn nhận không đạt được. Nên bà V yêu cầu ly hôn ông B là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Nguyễn Lê Bình A, sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 26/6/2011, hiện do bà V nuôi dạy. Bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy và các cháu cũng có nguyện vọng được sống ổn định như hiện tại để tiện việc học hành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị cho bà V được tiếp tục nuôi dạy các con chung, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Chị Lê Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B. Đồng thời, anh B cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1].Về vắng mặt của đương sự:

Anh Nguyễn Thanh B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị V và anh B tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang vào ngày 11/02/2003, số 05/HT, quyển số 01 nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Chứng cứ chị V đưa ra để yêu cầu ly hôn anh B là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị không còn sống chung từ năm 2010. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, chị V kiện ly hôn anh B.

Qua xác minh và được ông Diệp Văn Thanh - Trưởng ban khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc cho biết: Anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Đường số 2, khu dân cư khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, hiện nay anh B vẫn còn ở địa phương. Chị V và hai con hiện nay không còn sống tại địa phương mà về sống huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (quê vợ anh B).

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"; Xét thấy, chị V n và anh B không còn sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ.

[3] Về con chung:

Chị V khai, chị và anh B sống chung sanh 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Lê Bình A, sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 26/6/2011. Hai cháu có ý kiến được sống với mẹ.

Xét, cuộc sống hai cháu đã ổn định tránh xáo trộn, nên giao hai con Bình A và Anh Toàn cho chị Thúy V tiếp tục nuôi dạy, chị Thúy V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề cập đến giải quyết.

[4]Về tài sản chung:

Chị Lê Thị Thúy V khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[5]Về nợ chung:

Chị Lê Thị Thúy V khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[6] Về án phí:

Chị Lê Thị Thúy V phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* tạm ứng án phí mà chị V đã nộp.

Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân*]:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy V;

Chị Lê Thị Thúy V được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

2. *[Về con chung]*:

Chị Lê Thị Thúy V tiếp tục nuôi dạy cháu: Nguyễn Lê Bình A, sinh ngày 01/01/2005 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 26/6/2011. Anh Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Thúy V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thanh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]*:

Chị Lê Thị Thúy V phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003605 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *[Về quyền kháng cáo]*:

Chị Lê Thị Thúy V và anh Nguyễn Thanh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thị Kiều Nga